

# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

PHAN TRỌNG NAM\* - NGÔ NHÂN HẠ\*\*

Ngày nhận bài: 31/05/2016; ngày sửa chữa: 31/05/2016; ngày duyệt đăng: 02/06/2016.

**Abstract:** The article mentions the guidelines and regulations on management of scientific and technological activities of Educational and Training Departments based on Law on science and technology. The article also analyses the situation of scientific and technological management of Soc Trang education and training department, then proposes recommendations to improve quality of management of scientific and technological activities in particular and education in general to meet requirements of education reform.

**Keywords:** Science and technology; management; teacher.

## 1. Các chủ trương, quy định về công tác quản lý (QL) hoạt động khoa học và công nghệ (HĐKHCN) trong các sở giáo dục và đào tạo (GD-ĐT)

Theo **Luật Khoa học và công nghệ (KHCN)**: “HĐKHCN là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCN” [1].

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của KHCN được đặc biệt đề cao trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. *Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020* xác định: “Phát triển KHCN cùng với GD-ĐT là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. KHCN phải đóng vai trò chủ đạo để tạo được bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước” [2]. Do vậy, để góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT cần thúc đẩy HĐKHCN trong các cơ sở giáo dục. Việc triển khai các nghiên cứu trong GD-ĐT không chỉ giúp giải quyết có hiệu quả các bất cập trong thực tiễn giáo dục mà còn góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp của các nhà giáo trong các cơ sở giáo dục. Cùng với đó, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT* xác định nhiệm vụ: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa

học QL” [3]. Quan điểm chỉ đạo này đã kịp thời thỏa mãn nhu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ QL, đội ngũ giáo viên (GV) trong các cơ sở giáo dục có điều kiện thực hiện các nghiên cứu, kịp thời giải quyết các bất cập trong thực tiễn giáo dục của địa phương.

Các sở GD-ĐT, cơ quan QL nhà nước về giáo dục ở địa phương được có nhiệm vụ “Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong giáo dục; tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương; QL công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các cơ sở giáo dục trực thuộc sở; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác QL của sở” [4]. Như vậy, các sở GD-ĐT được nhìn nhận như là một tổ chức QL KHCN chuyên ngành giáo dục của địa phương. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ này, các sở GD-ĐT phải nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách về KHCN của trung ương, địa phương, phát huy tối đa tiềm năng sẵn có về đội ngũ để giải quyết những bất cập trong thực tiễn giáo dục ở địa phương, trước hết cần ưu tiên phát huy tối đa năng lực khoa học của đội ngũ giáo viên trung học phổ thông (GVTHPT). Đội ngũ GVTHPT, với trình độ chuyên môn được đào tạo trong các trường sư phạm, các lớp bồi dưỡng được tổ chức thường xuyên theo quy định cùng với kinh nghiệm thực tiễn từ hoạt động nghề nghiệp của bản thân, phải nhanh chóng phát hiện và giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn trong thực tiễn giáo dục.

\* Trường Đại học Đồng Tháp

\*\* Sở Giáo dục và Đào tạo Sóc Trăng

Tuy nhiên, trong những năm qua, các sở GD-ĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc và GVTHPT chưa dành nhiều sự quan tâm cho HĐKHCN. Các HĐKHCN được triển khai trong ngành giáo dục ở địa phương chưa tiến đến các nhiệm vụ khoa học công nghệ (NVKHCN) mà chủ yếu mới dừng lại ở hoạt động sáng kiến. Thực tế này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương, hạn chế năng lực nghiên cứu của GVTHPT. Công tác QL HĐKHCN của các sở GD-ĐT ở tầm “vi mô”, các địa phương phải phát huy được năng lực sáng tạo của GV - chìa khóa thành công của sự đổi mới; tranh thủ mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Công tác QL HĐKHCN của sở GD-ĐT Sóc Trăng

Trong những năm qua, GVTHPT tỉnh Sóc Trăng chưa triển khai thực hiện các NVKHCN cấp cơ sở. Nguyên nhân của tình trạng này là do các quy định, hướng dẫn về việc thực hiện NVKHCN cấp cơ sở trong ngành giáo dục chưa ban hành kịp thời. Ngày 04/3/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành *Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND về việc ban hành quy định QL hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, nêu cụ thể về trình tự QL hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở; đồng thời quy định rõ hội đồng KHCN chuyên ngành cấp cơ sở do thủ trưởng các sở, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập nhằm xét duyệt đề cương, đánh giá, nghiệm thu. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, tạo điều kiện cho ngành giáo dục Sóc Trăng có điều kiện thực hiện các NVKHCN cấp cơ sở; đồng thời, đây cũng là điều kiện quan trọng để GVTHPT có điều kiện để thực hiện các NVKHCN, bộc lộ và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân. Ngày 04/6/2015, Sở GD-ĐT Sóc Trăng đã soạn thảo, đang hoàn thiện dự thảo *Quy định tổ chức và HĐKHCN ngành giáo dục tỉnh Sóc Trăng*. Đây là văn bản quan trọng để các nhà trường, GVTHPT tiến xa hơn trong loại hình thực hiện HĐKHCN của bản thân, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Bên cạnh đó, trong những năm qua ngành giáo dục tỉnh Sóc Trăng đã chỉ đạo cán bộ, viên chức ngành giáo dục thực hiện các hoạt động sáng kiến góp phần giải quyết những khó khăn, bất cập góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của địa phương (xem *bảng 1*).

*Bảng 1. Kết quả thực hiện đề tài sáng kiến kinh nghiệm (SKKN) của GVTHPT tỉnh Sóc Trăng từ năm học 2011-2012*

Năm học	Số lượng GVTHPT	SKKN đăng kí		SKKN được công nhận	
		SL	TL	SL	TL
2011-2012	1879	656	34,91%	641	97,71%
2012-2013	2025	793	39,16%	782	98,61%
2013-2014	2120	669	31,56%	658	98,36%
2014-2015	2032	583	28,69%	522	89,54%
2015-2016	2123	1.116	52,57%	941	84,32%
Tổng cộng		3.817		3.544	

Kết quả ở *bảng 1* cho thấy, từ năm học 2014-2015 đến nay, tỉ lệ GVTHPT của tỉnh Sóc Trăng đăng kí viết SKKN, tỉ lệ các SKKN được công nhận có thấp hơn các năm học trước. Nguyên nhân của thực trạng này là do năm 2014-2015 trở về trước công tác QL hoạt động sáng kiến được sở GD-ĐT ủy quyền cho các trường thực hiện, từ năm học 2014-2015 trở về sau hoạt động sáng kiến của GVTHPT do Sở GD-ĐT Sóc Trăng QL cho nên hoạt động đánh giá chất lượng các sáng kiến của GV được thực hiện chặt chẽ, chất lượng được nâng cao (xem *bảng 2*).

*Bảng 2. Kết quả xếp loại đề tài SKKN của GVTHPT*

Năm học	Năm học 2014-2015		Năm học 2015-2016	
	SL	TL	SL	TL
Tốt	53	9,09%	54	4,84%
Khá	245	42,02%	318	28,49%
Đạt	224	38,42%	569	50,99%
Không đạt	61	10,46%	175	15,68%
Tổng cộng	583	100,00%	1116	100,00%

*Bảng 2* cho thấy, mức độ tham gia hoạt động sáng kiến của GVTHPT ngày càng nhiều hơn, tuy nhiên, chất lượng của các đề tài SKKN lại chưa được đánh giá cao. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với quan điểm chỉ đạo của ngành giáo dục, cần nâng cao chất lượng của các sáng kiến với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương, năng lực nghề nghiệp của GV.

## 3. Các yêu cầu cơ bản trong công tác QL HĐKHCN của các sở GD-ĐT

### 3.1. Các yêu cầu chung:

- Công tác QL HĐKHCN của ngành giáo dục phải phù hợp với các quy định trong **Luật KHCN**, các thông tư hướng dẫn của Bộ KHCN, Bộ Tài chính và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các NVKHCN cấp cơ sở được phê duyệt nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết của ngành giáo dục

nhằm hướng đến thực hiện các mục tiêu được xác định trong Đề án đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, ưu tiên các nhiệm vụ hướng đến mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, năng lực sáng tạo khoa học kĩ thuật cho học sinh.

- Các cơ sở giáo dục, GVTHPT nắm được các bước cơ bản trong hoạt động xây dựng NVKHCN, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện NVKHCN, triển khai các NVKHCN theo hợp đồng, đánh giá, nghiệm thu các NVKHCN.

### **3.2. Các yêu cầu cụ thể:**

- Công tác xây dựng kế hoạch HĐKHCN phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: các cơ sở giáo dục, GVTHPT phải được tham gia xây dựng kế hoạch HĐKHCN của ngành giáo dục; kế hoạch HĐKHCN của ngành giáo dục phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc sở và các cơ sở giáo dục trực thuộc; kế hoạch HĐKHCN của ngành giáo dục phải được thông báo đầy đủ, kịp thời đến các cơ sở giáo dục trực thuộc, GVTHPT.

- Công khai, minh bạch trong công tác phê duyệt, tuyển chọn tập thể, cá nhân chủ trì thực hiện NVKHCN; danh mục các nhiệm vụ được phê duyệt triển khai thực hiện được thông báo công khai, kịp thời; các thông báo, hướng dẫn về công tác tuyển chọn thực hiện NVKHCN phải được thông báo đầy đủ, kịp thời đến các cơ sở giáo dục trực thuộc, GVTHPT; hoạt động tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì được thực hiện công khai, minh bạch; quy trình tổ chức thực hiện đề tài được tổ chức chặt chẽ, khoa học; quy trình đánh giá, nghiệm thu được thực hiện công bằng, khách quan; quy trình công nhận và chuyển giao kết quả nghiên cứu được thực hiện nhanh chóng, hợp lí.

- Công tác chỉ đạo thực hiện HĐKHCN của ngành giáo dục phải đảm bảo phát huy được năng lực nghiên cứu khoa học của GVTHPT, đảm bảo quyền lợi tối đa của GVTHPT và đảm bảo sự phân cấp trong QL.

- Công tác kiểm tra HĐKHCN của các sở GD-ĐT phải kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong HĐKHCN của các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ và được thực hiện một cách khách quan, chính xác.

\*\*\*

HĐKHCN có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển xã hội, mà trước hết là đối với GD-ĐT. Các nghiên cứu về GD-ĐT không chỉ giúp giải quyết các khó khăn, bất cập trong thực tiễn giáo dục mà còn góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp của GV. Công tác triển khai các nghiên cứu về GD-ĐT ở địa

phương trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải có sự quan tâm của các cấp, ngành và sự phối hợp có hiệu quả của GV. □

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Luật Khoa học và công nghệ*.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020*.

[3] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

[4] Bộ GD-ĐT-Bộ Nội vụ (2015). *Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/05/2015, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở giáo dục và đào tạo thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phòng giáo dục và đào tạo thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*.

[5] Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2013). *Quy định về quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 04/3/2013)*.

[6] Sở GD-ĐT Sóc Trăng (2015). *Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ ngành giáo dục tỉnh Sóc Trăng (ban hành kèm theo Quyết định số 821/QĐ-SGD&ĐT ngày 04/6/2015)*.

## **KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2016**

**Tạp chí Giáo dục** ra 1 tháng 2 kì, đặt mua thuận tiện tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội**.

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2016**. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TẠP CHÍ GIÁO DỤC**